

**NỘI DUNG ÔN THI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC NGÀNH DƯỢC
MÔN LÝ THUYẾT TỔNG HỢP NĂM 2017**

1. Những nội dung chính sinh viên phải trình bày được khi thi

1.1. Đại cương về bệnh (liên quan đến nhóm thuốc), nguyên tắc và phác đồ điều trị

1.2. Đại cương về nhóm thuốc

- Đặc điểm về cấu trúc chung của nhóm.
- Phân loại.
- Tác dụng, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng chung của cả nhóm (nếu có).
- Tác dụng không mong muốn.
- Chỉ định điều trị.

1.3. Các thuốc cụ thể

1.3.1. Thuốc có nguồn gốc hoá dược

- Tên quốc tế, tên khác (nếu có).
- Nguồn gốc.
- Liên quan giữa cấu trúc hoá học với tác dụng dược lý (nếu có).
- Tính chất lý hoá.
- Phương pháp kiểm nghiệm dược chất.
- Tác dụng và cơ chế tác dụng.
- Dược động học (nếu có).
- Chỉ định điều trị.
- Tác dụng không mong muốn.
- Chống chỉ định.
- Tương tác thuốc.
- Dạng bào chế và biệt dược thường gặp (hoặc công thức điển hình):
 - + Đặc điểm công thức.
 - + Vai trò các thành phần.
 - + Kỹ thuật bào chế.
- Các quy chế liên quan:
 - + Qui định quản lý thuốc gây nghiện.
 - + Qui định ghi nhãn thuốc.
 - + Qui định sử dụng thuốc trong cơ sở y tế có giường bệnh.
 - + Qui định quản lý thuốc hướng tâm thần và tiền chất.

+ Quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú.

1.3.2. Thuốc có nguồn gốc dược liệu

- Tên cây thuốc (*tên, họ Việt Nam; tên, họ la tinh*).
- Phân bố.
- Bộ phận dùng.
- Kể tên các thành phần hóa học chính.
- Phương pháp kiểm nghiệm
- Phương pháp chế biến và bảo quản.
- Công dụng, cách dùng và liều dùng.

2. Những nhóm thuốc và thuốc cụ thể

2.1. Thuốc có nguồn gốc hoá dược

TT	Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể
1	Thuốc điều trị lao	Isoniazid (INH) Rifampicin (Rifampin)
2	Thuốc hạ sốt giảm đau	Aspirin (Acid acetyl salicylic) Paracetamol (Acetaminophen)
3	Thuốc giảm đau gây nghiện	Morphin Pethidin
4	Thuốc lợi tiểu	Furosemid Hydrochlorothiazid
5	Thuốc điều trị tăng huyết áp	Captopril Nifedipin Amlodipin
6	Thuốc chống viêm không steroid	Ibuprofen Diclofenac
7	Thuốc kháng histamin (chẹn thụ thể H1)	Clorpheniramin Cetirizin
8	Thuốc an thần, gây ngủ	Diazepam Phenobarbital
9	Thuốc chống nấm	Fluconazol Amphotericin B
10	Thuốc phòng và điều trị sốt rét	Quinin Mefloquin Artemisinin và dẫn chất
11	Thuốc chữa giun sán	Albendazol Niclosamid

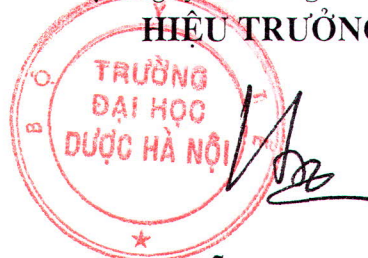
TT	Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể
12	Các vitamin	Vitamin B ₁ (Thiamin) Vitamin B ₆ (Pyridoxin) Vitamin C (Acid ascorbic) Vitamin A (Retinol) Vitamin D (Calciferol) Vitamin E (Tocoferol)
13	Penicillin và các kháng sinh bán tổng hợp nhóm betalactam	Benzyl penicilin (Penicilin G) Phenoxymethyl penicilin (Penicilin V) Amoxicilin Cephalexin Cefuroxim Cefotaxim Ceftriaxon
14	Kháng sinh nhóm aminosid	Streptomycin Gentamicin
15	Kháng sinh nhóm macrolid	Erythromycin Spiramycin Azithromycin
16	Các chất kháng khuẩn nhóm quinolon	Acid nalidixic Ciprofloxacin
17	Thuốc chống viêm nhóm steroid	Hydrocortison (cortisol) Prednisolon Dexamethason
18	Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng	Cimetidin Omeprazol
19	Thuốc điều trị ho - hen	Codein Salbutamol
20	Thuốc điều trị bệnh đái tháo đường	Acarbose Metformin Glibenclamid
21	Thuốc điều trị ung thư	Vinblastin 5-Fluorouracil

2.2. Thuốc có nguồn gốc dược liệu

TT	Dược liệu	TT	Dược liệu
1	Actiso	19	Ong mật
2	Bạch chỉ	20	Sài đất
3	Bạc hà	21	Thanh cao hoa vàng
4	Cam thảo bắc	22	Vàng đắng
5	Cà độc dược	23	Đại hồi
6	Cây mã đề	24	Gừng
7	Cây thuốc phiện	25	Hà thủ ô đỏ
8	Củ bình vôi	26	Hương nhu trắng
9	Canhkina	27	Lô hội
10	Dừa cạn	28	Mức hoa trắng
11	Hoè	29	Nhân sâm
12	Hoàng liên	30	Ô đầu
13	Hoàng bá	31	Rau má
14	Kim ngân	32	Trúc đào
15	Lạc tiên	33	Tràm
16	Mã tiền	34	Sả chanh
17	Ma hoàng	35	Sắn dây
18	Ngưu tất		

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Hòa